

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2024/HS-ST
Ngày 20 - 3 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Ngọt

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thời (Giáo viên)

Ông Huỳnh Quốc Trung (Giáo viên)

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiên Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Hữu Phúc – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm kín vụ án hình sự thụ lý số: 06/2024/TLST-HS ngày 02 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 792/2024/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 02 năm 2024, đối với bị cáo:

Võ Thanh D, sinh năm 1985, tại tỉnh Bến Tre. Đăng ký thường trú: Số E, ấp E, thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 1/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn X (chết) và bà Cao Thị X1 (chết); bị cáo có vợ Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1985; có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt giam từ ngày 13/11/2023 cho đến nay. (Bị cáo có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Lê Huỳnh Nhựt T1 – Trợ giúp viên pháp lý thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh B; (có mặt).

- Bị hại: Võ Thanh T2, sinh ngày 18/5/2008; (cháu T2 có yêu cầu xét xử vắng mặt).

Người đại diện theo pháp luật của bị hại: Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1985; (bà T có yêu cầu xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: Số E, ấp E, thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại:* Bà Hồ Thị Ngọc T3 – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B; (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian giữa tháng 10/2021 (âm lịch), nhằm tháng 11/2021 (dương lịch), Võ Thanh D sau khi có uống rượu về nhà ở số E, Ấp E, thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre, nhiều lần giao cầu với con gái của mình là Võ Thanh T2, sinh ngày 18/5/2008, tại phòng ngủ nhà của D. Cụ thể:

Lần thứ nhất: vào buổi chiều ngày 06/11/2021, sau khi dự đám giỗ ở nhà Võ Thanh S, D đã có uống rượu về nhà thấy T2 nằm trong phòng ngủ một mình nên muốn giao cầu với T2. D đến chỗ T2 nằm đòi giao cầu nhưng T2 không đồng ý, D ôm Thùy từ phía sau, T2 dùng tay đẩy và dùng chân đạp không cho D giao cầu, D tiếp tục ôm chặt T2, cởi quần của T2 ra, sau đó giao cầu và xuất tinh bên ngoài âm hộ của T2.

Lần thứ hai: vào buổi chiều ngày 09/11/2021, D có uống rượu về nhà thấy T2 nằm trong phòng, không thấy vợ là Nguyễn Thị Thu T ở nhà, D vào phòng đòi giao cầu nhưng T2 không đồng ý. D nằm xuống dùng tay ôm thì T2 dùng chân đạp ra nhưng D vẫn tiếp tục ôm, sau đó giao cầu và xuất tinh bên ngoài âm hộ của T2. Trong lúc D giao cầu với T2, Nguyễn Thị Thu T phát hiện vào can ngăn nhưng bị D dọa đánh nên T bỏ đi không ngăn cản đến cùng việc D giao cầu với T2.

Ngoài ra, D khai nhận còn nhiều lần giao cầu với T2 tại phòng ngủ nhà của D, nhưng không nhớ rõ số lần và thời gian cụ thể. Bị hại T2 khai nhận còn bị Trần Hoàng K, Ngô Thanh T4 và Lâm Quốc P thực hiện hành vi giao cầu, qua điều tra đã khởi tố và xét xử xong đối với Trần Hoàng K về tội “Hiếp dâm người dưới 16 tuổi”; làm việc với T4 và P, cả hai đều khẳng định không có giao cầu với Thùy lần nào.

Tại Giấy chứng nhận thương tích số 804/2022/CN ngày 20/10/2022 của Bệnh viện N, tỉnh Bến Tre đối với Võ Thanh T2 ghi nhận: khâu kính màng trinh # 2,5cm, màng trinh ở vị trí 04 giờ có dấu khuyết cũ chưa đến chân màng trinh, vị trí 06 giờ và vị trí 11 giờ có dấu khuyết cũ tới chân màng trinh.

Tại Giấy chứng sinh số 40 ngày 18/5/2008 của Bệnh viện đa khoa huyện G và Giấy khai sinh số 134 ngày 26/7/2013 của Ủy ban nhân dân thị trấn G, xác định Võ Thanh T2 sinh ngày 18/5/2008; tại thời điểm D thực hiện hành vi giao cầu tháng 11/2021, T2 có độ tuổi từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi.

Tại Bản kết luận giám định Pháp y tâm thần số 43/KL-VPYTW ngày 18/01/2023 của Viện Pháp y tâm thần Trung ương B đối với bị hại Võ Thanh T2 kết luận:

- Về Y học: trước, trong, sau khi bị hại và hiện nay, đương sự bị bệnh chậm phát triển tâm thần nhẹ (F70-ICD.10).

Về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi: tại thời điểm bị hại và hiện nay, đương sự bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi (cần người giám hộ).

Ngày 26/10/2023, Cơ quan điều tra đã tiến hành thực nghiệm điều tra, cho Võ Thanh D xác định lại hiện trường và tự diễn lại hành vi giao cầu với Võ Thanh T2, kết quả D tự xác định đúng hiện trường xảy ra vụ án và diễn lại được hành vi giao cầu với T2.

Quá trình điều tra, Võ Thanh D thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, phù hợp lời khai người làm chứng, bị hại, kết luận giám định và các chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập; sau khi phạm tội bị cáo đi làm xa và thường xuyên gửi tiền về để nuôi, chăm sóc bị hại; bị hại và đại diện hợp pháp của bị hại Võ Thanh T2 không yêu cầu bị cáo bồi thường và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại Bản cáo trạng số: 18/CT-VKSBT-P1 ngày 02/02/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre truy tố bị cáo Võ Thanh D về tội “Hiếp dâm người dưới 16 tuổi” quy định tại điểm a, d, đ khoản 2 Điều 142 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Võ Thanh D khai nhận hành vi phạm tội phù hợp nội dung bản cáo trạng và các chứng cứ đã thu thập.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên nội dung cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo Võ Thanh D. Sau khi phân tích các tình tiết về tội danh, khung hình phạt, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các tình tiết về nhân thân của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Võ Thanh D phạm tội “Hiếp dâm người dưới 16 tuổi”. Căn cứ điểm a, d, đ khoản 2 Điều 142; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; đề nghị xử phạt bị cáo Võ Thanh D mức án từ 15 năm đến 17 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam bị cáo là ngày 13/11/2023.

Đối với Nguyễn Thị Thu T, là vợ của bị cáo D, biết việc D giao cầu với T2 nhưng không tố giác với Cơ quan điều tra, có dấu hiệu tội phạm “Không tố giác tội phạm” quy định tại khoản 1 Điều 390 Bộ luật Hình sự nên việc xác minh, điều tra thuộc thẩm quyền của cấp huyện, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B quyết định tách hành vi chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G để tiếp tục xác minh, điều tra là đúng quy định pháp luật.

Đối với Ngô Thanh T5 và Lâm Quốc P, qua làm việc cả hai khẳng định không có giao cầu với T2, ngoài lời khai của bị hại thì không còn chứng cứ nào khác để chứng minh nên không có căn cứ xem xét xử lý.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và đại diện hợp pháp của bị hại Võ Thanh T2 không yêu cầu bị cáo bồi thường nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Người bào chữa cho bị cáo Võ Thanh D trình bày quan điểm: Thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre về tội danh, điều luật áp dụng đối với bị cáo.

Về tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo tự nguyện sửa chữa lỗi lầm của mình nên bị cáo đi làm thuê xa và thường xuyên gửi tiền về để nuôi bị hại; bị cáo phạm tội lần đầu; có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; bị cáo không biết chữ; là lao động chính trong gia đình; bị hại và đại diện theo pháp luật của bị hại có yêu cầu xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo mức án thấp nhất (15 năm tù) mà Viện kiểm sát đã đề nghị.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại trình bày:

Thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre về tội danh, điều luật áp dụng, tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ để xử phạt bị cáo mức án theo đề nghị của Viện Kiểm sát.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường dân sự nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Bị cáo Võ Thanh D nói lời sau cùng: Bị cáo biết lỗi của bị cáo đã gây ra đối với bị hại, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về đi làm nuôi vợ con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; thành phần Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người bào chữa cho bị cáo; bị hại và người đại diện theo pháp luật của bị hại; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi của người tiến hành tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi của người tiến hành tố tụng, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án:

Do không kiểm soát được ham muốn dục vọng của bản thân nên vào ngày 06 và 09/11/2021, Võ Thanh D sau khi có uống rượu về nhà ở số E, ấp E, thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre, bị cáo D đã thực hiện hành vi ép buộc Võ Thanh T2, sinh ngày 18/5/2008 là con ruột của bị cáo để giao cấu 02 lần trái ý muốn của T2 khi T2 chưa đủ 16 tuổi và đang mắc bệnh chậm phát triển tâm thần nhẹ

(F70-ICD.10), bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi (cần người giám hộ).

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thừa nhận có thực hiện hành vi phạm tội với cháu T2. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị hại, những người tham gia tố tụng khác và chứng cứ thu thập được qua quá trình điều tra. Như vậy, có đủ cơ sở để kết luận Bản cáo trạng số: 18/CT-VKSBT-P1 ngày 02 tháng 02 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre truy tố bị cáo Võ Thanh D về tội “*Hiếp dâm người dưới 16 tuổi*” theo quy định tại điểm a, d, đ khoản 2 Điều 142 Bộ luật Hình sự với tình tiết định khung “*Có tính chất loạn luân*”; “*Đối với người mà người phạm tội có trách nhiệm chăm sóc, giáo dục*”; “*Phạm tội 02 lần trở lên*”.

Điều 142 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) Dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc lợi dụng tình trạng không thể tự vệ được của nạn nhân,... giao cấu... với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi trái với ý muốn của họ;

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm:

a) Có tính chất loạn luân;

...

d) Đối với người mà người phạm tội có trách nhiệm chăm sóc, giáo dục;

đ) Phạm tội 02 lần trở lên”.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

[3.1] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo đã xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về tình dục, danh dự, nhân phẩm của phụ nữ nói chung và nhất là trẻ em gái là vi phạm pháp luật, bị xã hội lên án. Trong vụ án này, bị hại có quan hệ huyết thống với bị cáo, là con ruột của bị cáo, bị hại là người bị bệnh chậm phát triển tâm thần nhẹ và bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, rất cần người chăm sóc và giám hộ, lẽ ra được nhận sự chăm sóc yêu thương đặc biệt từ cha mẹ, tuy nhiên bị cáo lại có hành vi giao cấu với con ruột của mình, vi phạm nghiêm trọng chuẩn mực đạo đức xã hội. Để thỏa mãn dục vọng của bản thân, bị cáo đã cố ý thực hiện tội phạm bất chấp hậu quả, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh và trật tự xã hội ở địa phương. Bị cáo có đầy đủ năng lực để nhận thức được hành vi mà bị cáo thực hiện cũng như hậu quả nguy hiểm cho xã hội của hành vi do bị cáo gây ra. Do đó, cần phải xử nghiêm đối với bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có thể cải tạo, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung.

[3.2] Về nhân thân: Trước khi phạm tội, bị cáo là người có nhân thân tốt. Bị cáo không có tiền án, tiền sự.

[3.3] Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[3.4] Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đồng thời với vai trò là lao động chính trong gia đình, là người trực tiếp nuôi dưỡng Võ Thanh T2, sau khi phạm tội bị cáo đi làm thuê xa và thường xuyên gửi tiền về để nuôi, chăm sóc bị hại, là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bản thân bị cáo không biết chữ, trình độ nhận thức pháp luật hạn chế, gia đình bị cáo là hộ nghèo, vợ của bị cáo bị suy giảm nhận thức nặng, mắc bệnh “Triệu chứng và dấu hiệu không xác định về chức năng nhận thức và nhận biết, Mã ICD-10: R41.8” không có khả năng lao động nuôi chính mình, cần Võ Thanh D lao động để chăm nuôi; bị cáo được bị hại và đại diện theo pháp luật của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Đây là những tình tiết có thể xem là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Do đó xử phạt bị cáo mức án thấp nhất (15 năm tù) theo đề nghị của Viện kiểm sát cũng đủ sức giáo dục, cải tạo đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận bị hại Võ Thanh T2 và đại diện theo pháp luật của bị hại không có yêu cầu bị cáo bồi thường dân sự.

[5] Đối với Nguyễn Thị Thu T, là vợ của bị cáo D, biết việc D giao cầu với T2 nhưng không tố giác với Cơ quan điều tra, có dấu hiệu tội phạm “Không tố giác tội phạm” quy định tại khoản 1 Điều 390 Bộ luật Hình sự nên việc xác minh, điều tra thuộc thẩm quyền của cấp huyện, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B quyết định tách hành vi chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G để tiếp tục xác minh, điều tra là đúng quy định pháp luật.

[6] Đối với Ngô Thanh T5 và Lâm Quốc P, qua làm việc cả hai khẳng định không có giao cầu với T2, ngoài lời khai của bị hại thì không còn chứng cứ nào khác để chứng minh nên không có căn cứ xem xét xử lý.

[7] Đề nghị của người bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10] Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Do gia đình bị cáo Võ Thanh D thuộc diện hộ nghèo, nên bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Võ Thanh D phạm tội “Hiếp dâm người dưới 16 tuổi”.

Căn cứ vào điểm a, d, đ khoản 2 Điều 142; b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Võ Thanh D 15 (Mười lăm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 13/11/2023.

2. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận bị hại Võ Thanh T2 và đại diện theo pháp luật của bị hại không có yêu cầu bị cáo bồi thường dân sự.

3. Án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Do gia đình bị cáo Võ Thanh D thuộc diện hộ nghèo, nên bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

4. Bị cáo, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; đối với bị hại, người đại diện theo pháp luật của bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1b);
- Vụ GDKT I TANDTC (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ - CA tỉnh Bến Tre (1b);
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Trại tạm giam Công an tỉnh Bến Tre, bị cáo (2b);
- UBND thị trấn Giồng Trôm (1b);
- ĐDHPBH (1b);
- Tòa Gia đình & NCTN, Phòng KTNV&THA, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre, hồ sơ vụ án (7b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Ngọt

